Tuần: 24

Tiết: 47

**Bài 48: QUẦN THỂ NGƯỜI**

**A. Nội dung tóm tắt lý thuyết**

**I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác**

- Quần thể người có những đặc điểm sinh học giống quần thể sinh vật khác: giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản, tử vong..

- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác: kinh tế, xã hội, hôn nhân,...

 Con người có khả năng lao động và tư duy điều chỉnh đặc điểm sinh thái trong quần thể.

**II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người**

- Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi:

+ Nhóm tuổi trước sinh sản từ sơ sinh đến 15 tuôit.

+ Nhóm tuổi sinh sản và lao động: 15 – 65 tuổi.

+ Nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc: từ 65 tuổi trở lên.

- Tháp dân số (tháp tuổi) thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước.

+ Tháp dân số trẻ là tháp dân số có đáy rộng, số lượng trẻ em sinh ra nhiều và đỉnh tháp nhọn thể hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ thấp.

+ Tháp dân số già là tháp có đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng biểu thị tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.

**III. Tăng dân số và phát triển xã hội**

- Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong

- Phát triển dân số hợp lý tạo được sự hài hoà giữa kinh tế và xã hội đảm bảo cuộc sống cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội

**B. Vận dụng kiến thức đã học**

*Lựa chọn đáp án đúng nhất*

**Câu 1:** Quần thể người có đặc trưng nào sau đây khác so với quần thể sinh vật?

A. Tỉ lệ giới tính

B. Thành phần nhóm tuổi

C. Mật độ

D. Đặc trưng kinh tế xã hội.

**Câu 2:** Quần thể người có 3 dạng tháp tuổi  như hình sau


Dạng tháp dân số già là:

A. Dạng a, b

B. Dạng b, c

C. Dạng a, c

D. Dạng c

**Câu 3:** Quần thể người có những nhóm tuổi nào sau đây?

A. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.

B. Nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản.

C. Nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.

D. Nhóm tuổi trước lao động, nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động.

**Câu 4:** Tăng dân số nhanh có thể dẫn đến tình trạng nào sau đây

A. Thiếu nơi ở, ô nhiễm môi trường, nhưng làm cho kinh tế phát triển mạnh ảnh hưởng tốt đến người lao động.

B. Lực lượng lao động tăng, làm dư thừa sức lao động dẫn đến năng suất lao động giảm.

C. Lực lượng lao động tăng, khai thác triệt để nguồn tài nguyên làm năng suất lao động  cũng tăng.

D. Thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

**Câu 5:** Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi

B. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi

C. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi

D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi

**Câu 6:** Mục đích của việc thực hiện Pháp lệnh dân số ở Việt Nam là

A. Bảo đảm chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội

B. Bảo vệ môi trường không khí trong lành

C. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản của quốc gia

D. Nâng cao dân trí cho người có thu nhập thấp

**Tuần: 24**

**Tiết: 48**

**Bài 49: QUẦN XÃ SINH VẬT (QXSV)**

**A. Nội dung tóm tắt lý thuyết**

**I. Thế nào là một quần xã sinh vật(QXSV)?**

- Quần xã sinh vật: là tập hợp những QTSV khác loài cùng chung sống trong một khoảng không gian xác định, chúng có mối quan hệ gắn bó như một thể thống nhất nên quần xã có cấu trúc tương đối ổn định. Các sinh vật trong quần thích nghi với môi trường sống của chúng.

- VD: Rừng Cúc Phương, ao cá tự nhiên,...

**II. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng

**III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã.**

Nhân tố môi trường (vô sinh và hữu sinh) luôn thay đổi tác động đến sinh vật làm sinh vật biến đổi về số lượng; Số lượng được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường, tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

**B. Vận dụng kiến thức đã học**

**Lý thuyết:**

**Câu 1:** Quần xã sinh vật là gì? Những dấu hiệu điển hình của một quần xã.

**Câu 2:** Hiện tượng khống chế sinh học là gì. Giải thích mối quan hệ giữa sâu và chim (tham khảo mục III/SGK Tr. 148).

**Trắc nghiệm:** Lựa chọn đáp án đúng nhất

**Câu 1:** Rừng mưa nhiệt đới là:

1. Một quần thể sinh vật
2. Một quần xã sinh vật
3. Một quần xã động vật
4. Một quần xã thực vật

**Câu 2:** Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?

1. Số lượng các loài trong quần xã.
2. Thành phần loài trong quần xã
3. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã
4. Số lượng và thành phần loài trong quần xã

**Câu 3:** Số lượng các loài trong quần xã thể hiện chỉ số nào sau đây:

1. Độ nhiều, độ đa dạng, độ tập trung
2. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ tập trung
3. Độ thường gặp, độ nhiều, độ tập trung
4. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều

**Câu 4:** Chỉ số thể hiện mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã là

1. Độ đa dạng
2. Độ nhiều
3. Độ thường gặp
4. Độ tập trung

**Câu 5:** Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?

1. Một khu rừng
2. Một hồ tự nhiên
3. Một đàn chuột đồng
4. Môt ao cá

**Câu 6:** Số lượng cá thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này gọi là:

1. Sự cân bằng sinh học trong quần xã
2. Sự phát triển của quần xã
3. Sự giảm sút của quần xã
4. Sự bất biến của quần xã

**Câu 7:** Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng nào sau đây:

1. Khống chế sinh học
2. Cạnh tranh giữa các loài
3. Hỗ trợ giữa các loài
4. Hội sinh giữa các loài

**Câu 8:** Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến hệ quả nào sau đây?

1. Đảm bảo cân bằng sinh thái
2. Làm cho quần xã không phát triển được
3. Làm mất cân bằng sinh thái
4. Đảm bảo khả năng tồn tại của quần xã